

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 27/10/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;

2. Ông Lưu Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quách Thịnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 11/10/2021 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh năm 1970; Nơi sinh: Tân Châu – An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (chỗ ở hiện nay): Ấp P, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 04/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1945 (chết) và bà Tô Thị Q, sinh năm 1951 (chết); Chồng Lương Văn L, sinh năm 1967; Có 01 người con, sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 và ông Trần Văn K, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, bà N và ông K, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Phú Thị T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

- Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

- Võ Thị Bích P, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Huỳnh Thị D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/07/2021, bị cáo H thấy ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị N (vợ ông K) đi khỏi nhà nên bị cáo H đi vào nhà bằng cửa sau, rồi vào phòng ngủ của ông K tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, bị cáo H thấy tủ nhựa có nhiều ngăn kéo, nên đi đến dùng tay mở ngăn tủ trên cùng bên phải, thấy có 02 chìa khóa, H lấy chìa khóa mở ngăn tủ bên trái, thấy 01 cái ví da bên trong có để các tài sản gồm: Tiền Việt Nam 22.000.000 đồng, 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hột đá màu xanh và 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng), bị cáo H lấy toàn bộ tài sản nêu trên để vào túi quần và bỏ lại ví da trong ngăn tủ, dùng chìa khóa để khóa lại. Sau đó, bị cáo H lấy số tài sản trộm được mang về nhà cất giấu, còn 02 chìa khóa thì mang ném bỏ xuống ao nước ở phía sau nhà của bị cáo H. Số tài sản lấy trộm được, bị cáo H sử dụng để trả nợ cho nhiều người và tiêu xài cá nhân hết 16.000.000 đồng.

Đến khoảng 07 giờ ngày 22/7/2021, vợ chồng ông K và bà N phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo Công an xã T. Do lo sợ bị phát hiện nên khoảng 01 giờ ngày 25/7/2021, bị cáo H mang số tiền 6.000.000 đồng, sợi dây chuyền vàng và chiếc nhẫn vàng để trong bọc nhựa, ném vào bên trong hàng rào nhà ông K và bà N để trả lại. Trong lúc ném, hộp đựng nhẫn vàng bị rơi xuống mương nước gần đó. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo H đến Công an xã T đầu thú và thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản nêu trên, đồng thời bị cáo H đã đi tìm lại được chiếc nhẫn vàng bị rơi, giao nộp cho cơ quan điều tra.

Ngày 05/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, khởi tố Trần Thị H, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hột đá màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng).

- Tiền Việt Nam: 11.900.000 đồng.

Tất cả tài sản thu giữ trong vụ án đã giao trả cho bị hại giai đoạn điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Tân Châu:

- 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hạt đá màu xanh (đã qua sử dụng). Trị giá 12.850.000 đồng.

- 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng). Trị giá 1.035.000 đồng.

Cáo trạng số 68/CT-VKSTC ngày 30 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Bị hại ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phú Thị T, bà Võ Thị Bích P, chị Nguyễn Quỳnh N; Người làm chứng chị Huỳnh Thị D trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Riêng, ông K và bà N trình bày đã nhận lại tài sản bị mất trộm, bị cáo H đã khắc phục toàn bộ số tiền đã sử dụng, nên không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm. Đồng thời, ông bà cũng đã làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của ông K và bà N theo nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại ông K, bà N; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T, chị N; Người làm chứng chị D khai như ở giai đoạn điều tra.

Hội đồng xét xử công bố Biên bản định giá trong tố tụng hình sự số Kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/8/2021; Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà P vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên giữ quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H: từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đã được giao tra trong giai đoạn điều tra nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông K và bà N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên không đề cập giải quyết.

Trong phần tranh luận, bị cáo H không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị hại ông K, bà N; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T, chị N không có ý kiến tranh luận. Bị hại ông K, bà N xin cho bị cáo H được hưởng án treo.

Bị cáo H nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Trần Thị H bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã Tân Châu khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực Ấp P, xã T, thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Trần Thị H khai nhận, do thiếu nợ nhiều người và không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 08 giờ ngày 19/07/2021, bị cáo H thấy vợ chồng ông K và bà N đi khỏi nhà nên bị cáo H đi vào nhà bằng cửa sau, rồi vào phòng ngủ của ông K tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, bị cáo H thấy tủ nhựa có nhiều ngăn kéo, nên đi đến dùng tay mở ngăn tủ trên cùng bên phải, thấy có 02 chìa khóa, bị cáo H lấy chìa khóa mở ngăn tủ bên trái, thấy 01 cái ví da bên trong có để các tài sản gồm: Tiền Việt Nam 22.000.000 đồng, 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hột đá màu xanh và 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng), bị cáo H lấy toàn bộ tài sản nêu trên để vào túi quần và bỏ lại ví da trong ngăn tủ, dùng chìa khóa để khóa lại. Sau đó, bị cáo H lấy số tài sản trộm được mang về nhà cất giấu, còn 02 chìa khóa thì mang

ném bỏ xuống ao nước ở phía sau nhà của bị cáo H. Số tài sản lấy trộm được, bị cáo H sử dụng để trả nợ cho nhiều người và tiêu xài cá nhân hết 16.000.000 đồng. Do lo sợ bị phát hiện nên khoảng 01 giờ ngày 25/7/2021, bị cáo H mang số tiền 6.000.000 đồng, sợi dây chuyền vàng và chiếc nhẫn vàng để trong bọc nhựa, ném vào bên trong hàng rào nhà ông K và bà N để trả lại. Trong lúc ném, hộp đựng nhẫn vàng bị rơi xuống ruộng nước gần đó. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo H đến Công an xã T đầu thú và thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản nêu trên. Bị cáo lấy trộm số tiền 22.000.000 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hột đá màu xanh (đã qua sử dụng), trị giá 12.850.000 đồng và 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng), trị giá 1.035.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 35.885.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại; lời khai bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 22/7/2021 do Công an xã T lập; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do cơ quan có thẩm quyền lập và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị H có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông K và bà N, trị giá 35.885.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo H có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 68/CT-VKSTC ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo H là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau.

Bị cáo H là có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động tạo thu nhập tiêu xài cá nhân và làm gương cho con, cho cháu. Ngược lại, bị cáo lại lười biếng lao động, không làm mà muốn có tiền tiêu xài, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo đầu thú; bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có

trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt:

- Về hình phạt chính: Bị cáo H có 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; không có tiền án, tiền sự.

Xét, không cần thiết cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội, có thể để bị cáo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục. Cho bị cáo H hưởng án treo.

Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự hủy bỏ lệnh cấm khỏi nơi cư trú số: 12 ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đối với bị cáo H.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) sợi dây chuyền dài 54cm, trọng lượng 0L443 vàng 18 kara, mặt dây chuyền có gắn hột đá màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) nhẫn tròn, đường kính 17cm, mặt trong có chữ K.YEN,V589, trọng lượng 0L357 vàng 18 kara (đã qua sử dụng) và Tiền Việt Nam: 11.900.000 đồng, bị hại ông K và bà N đã nhận lại tài sản giai đoạn điều tra, không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông K và bà N đã nhận lại tài sản bị lấy trộm và không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo H hưởng án treo;

Thời hạn thử thách của bị cáo H là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án 27/10/2021 (*ngày hai mươi bảy, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự hủy bỏ lệnh cấm khỏi nơi cư trú số: 12 ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đối với bị cáo H.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo H).

Nơi nhận:

- Viện KSND TX Tân Châu (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TX Tân Châu (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Dương